

Bản án số: 183/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03-6-2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến
2. Bà Nguyễn Thị Thảo

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Mai Đoàn Thực - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dương - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 81/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Huỳnh T, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: 71 đường N, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định

*** Bị đơn:** Anh Bùi Trần Vĩnh K1, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: 120 đường N, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Huỳnh T trình bày:** Chị và anh K1 có thời gian tìm hiểu khoảng 2-3 năm được hai gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2017, đến năm 2018 tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại nhà riêng do cha mẹ chồng xây dựng, vợ chồng chung sống được 1 năm thì cả hai vào TP H sinh sống và làm việc đến khi chị có thai thì phát hiện anh K1 chơi cờ bạc nợ nần nên vợ chồng cãi nhau, sau đó chị về tỉnh B sinh con. Khi con được 6 tháng thì vào lại TP H

sống nhưng vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do anh K1 chơi cờ bạc, cá độ bóng đá online gây nợ nần và không quan tâm đến vợ con. Đến cuối năm 2019 vợ chồng về lại tỉnh B sống nhưng anh K1 tiếp tục chơi cờ bạc gây nợ nần nên vợ chồng mâu thuẫn càng thẳng, chị dẫn con về nhà mẹ ruột sống từ đầu năm 2020 cho đến nay, trong khoảng thời gian này, anh K1 có đến thăm con nhưng không bàn gì đến việc quay lại chung sống. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên kiên quyết yêu cầu yêu ly hôn với anh Bùi Trần Vĩnh K1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Bùi Minh K2 sinh ngày 28.11.2018 hiện đang sống với chị, ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh K1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho gia đình anh Bùi Trần Vĩnh K1 nhưng anh K1 không đến Tòa để trình bày ý kiến, yêu cầu.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30.12.2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Huỳnh T được ly hôn với anh Bùi Trần Vĩnh K1.

- Về con chung: Giao cháu K2 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, buộc anh K1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết

- Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Trần Vĩnh K1 được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điểm b, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phạm Thị Huỳnh T và anh Bùi Trần Vĩnh K1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các điều kiện về kết hôn, được UBND phường Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2018 theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi chung sống thì giữa chị T và anh K1 phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc sống ly thân vào đầu năm 2020. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh K1 không đến tòa để trình bày ý kiến, yêu cầu nhưng qua xác minh mẹ ruột của anh K1 là bà Trần Thị P cung cấp cho thấy giữa chị T và anh K1 chung sống với nhau trong một khoảng thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân. Bà Phương xác định anh K1 đã được bà thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh K1 đang đi làm xa ở TP H nên không đến Tòa và anh K1 bày tỏ ý kiến là thống nhất ly hôn với chị T. Như vậy, cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh K1 đã thật sự căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị Phạm Thị Huỳnh T được ly hôn với anh Bùi Trần Vĩnh K1.

[2.2] Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 01 người con tên Bùi Minh K2, sinh ngày 28.11.2018 đang ở với chị, ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh K1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Thông qua bà P (mẹ anh K1) xác định anh K1 thống nhất giao con cho chị T nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Xét yêu cầu của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng từ lúc vợ chồng sống ly thân thì cháu K2 do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện cháu K2 dưới 36 tháng tuổi và cháu mắc bệnh tự kỷ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó để việc chăm sóc cháu K2 được tốt hơn và đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu nên giao cháu K2 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và buộc anh K1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đ được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001471 ngày 26.11.2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn. Anh K1 phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều

39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 117, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Huỳnh T được ly hôn với anh Bùi Trần Vĩnh K1.

2- Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn:

2.1 Giao người con Bùi Minh K2, sinh ngày 28.11.2018 cho chị Phạm Thị Huỳnh T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.2 Buộc anh Bùi Trần Vĩnh K1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi người con Bùi Minh K2, sinh ngày 28.11.2018 mỗi tháng 2.000.000đ, thời điểm cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 6.2021 cho đến khi cháu K2 đủ 18 tuổi.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi, việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

3- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

4- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phạm Thị Huỳnh T phải chịu 300.000đ được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001471 ngày 26.11.2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn. Anh Bùi Trần Vĩnh K1 phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con

5- Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng anh Bùi Trần Vĩnh K1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án

này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- UBND phường Đ
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Lệ